

Số: 08 / KH-MNLH

Lê Hồng, ngày 24 tháng 10 năm 2024

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024 - 2025**

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về qui định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Thực hiện kế hoạch số 08/KH-TMN ngày 25 tháng 9 năm 2024 của trường mầm non Lê Hồng về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và các điều kiện phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024-2025 của trường.

Trường mầm non Lê Hồng xây dựng kế hoạch thực hiện các khoản thu và chi trong năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

#### **I. Các khoản thu theo qui định.:**

##### **1. Tiền học phí:**

Thực hiện theo nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về qui định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương

- Mức thu: Cháu Nhà trẻ thu 125.000 đồng/học sinh/tháng

Cháu Mẫu giáo thu 105.000 đồng/học sinh/tháng

Những trường hợp học sinh thuộc đối tượng được hưởng các chế độ chính sách: Trẻ khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách... phải có giấy xác nhận của các cấp có thẩm quyền qui định được hưởng các chế độ miễn, giảm theo quy định.

#### **II. Đối với các khoản thu được thỏa thuận.**

##### **1. Dịch vụ bán trú:**

Thu theo mục II (2.2, 2.3, 2.4, 2.5) – Phụ lục 02 – Nghị Quyết số: 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Hải Dương.

**1.1. Tiền ăn** ( Cháu nhà trẻ: 2 bữa chính và 1 bữa phụ; Cháu Mẫu giáo: 1 bữa chính và 1 bữa phụ)

\* Mức thu: - Cháu Mẫu giáo thu: 20.000đ/ trẻ/ ngày



- Cháu Nhà trẻ: 17.000đ/ trẻ/ ngày

\* Nội dung chi: Chi 100% tiền ăn/ ngày của học sinh chi mua gạo, thực phẩm, gia vị, sữa.

**1. 2. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý):**

\* **Nội dung chi :**

- Tiền trả nhân viên nuôi dưỡng..

\* Mức thu: 3.000đ/ngày x 22 ngày = 66.000đ

- Dự kiến thu 1 tháng: 335 trẻ x 66.000đ = 22.110.000đ

- Dự kiến chi: +Trả công người nấu ăn: 22.110.000đ : 4 cô = 5.527.500đ/1

cô/1 tháng.

- Tiền trông trực trưa, quản lý.

\* Mức thu: 8.350 đ/1 ngày x 22 ngày = 183.700đ/1 tháng

- Dự kiến thu 1 tháng: 335 trẻ x 183.700/trẻ = 61.539.500đ

- Dự kiến chi : 61.539.500 đ

+ 15% chi cho cán bộ QL + công tác thu, chi = 9.230.092đ

+ 85% chi cho giáo viên trực tiếp trên lớp = 52.308.575đ : 32 cô = 1.634.642 đ

\* **Mức thu : 250.000/học sinh /1 tháng**

**1.3. Tiền phụ phí.**

\* Nội dung chi : Mua chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa.

- Dự kiến số học sinh thu: 335 trẻ x 50.000đ/ 1 tháng = 16.750.000đ

- Dự kiến chi: 16.750.000đ

T T	Nội dung chi	Mức chi 1 tháng		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ga 10 bình loại to (45kg/1 bình),	463kg	22.000	10.168.000
2	Nước sạch chi 60% trên tổng hóa đơn	280 m <sup>3</sup>	12.000	2.016.000
3	Điện chi 60% trên tổng hóa đơn(đã trừ điện dùng điều hòa)	2120 số	1.953	2.484.000
4	Nước rửa bát sunlingt: Can 3,8 lít	12 can	135.000	1.620.000
5	Nước rửa tay lafboy nhà bếp (loại 450g)	4 chai	76.000	304.000
6	Nước lau sàn nhà bếp...	4 Chai	35.000	140.000

## 2. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh

Thu theo mục II ( 4 ) – Phụ lục 02 – Nghị Quyết số: 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Hải Dương.

\* Nội dung chi:Tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn

- Dự kiến số học sinh thu: 335 trẻ x 30.000đ = 10.050.000đ

- Dự kiến thu 9 tháng x 10.050.000 = 90.450.000 đồng

- Dự kiến chi:

\* Dự kiến nội dung chi:

TT	Nội dung chi 1 tháng	Số tiền 1 tháng			Thu 1 năm học( 9 tháng)
		Số lượng	Giá	Số tiền 1 tháng	
1	Quét dọn hàng ngày, thu gom rác thải 2 điểm trường	2 bảo vệ	1.800.000	1.800.000	16.200.000
2	Giấy vệ sinh: 16 lớp + văn phòng	50 bịch	40.000	2.000.000	18.000.000
3	Xà phòng ô mô (túi 1.0kg): 16lớp x 1lớp/1 túi = 16 túi. nhà bếp 4 túi tổng 20 túi	20 kg	46.000	920.000	8.280.000
4	Xà phòng bánh rửa tay lafboy cho trẻ. 3 bánh 1 lớp x16 lớp = 48 bánh...	48 bánh	18.000	864.000	7.776.000
5	Nước lau sàn Sunlight	40 chai	36.000	1.440.000	12.960.000
6	Nước rửa tay	20 lọ	50.000	1.000.000	9.000.000
7	Nước tẩy bồn cầu	18	37.000	666.000	5.994.000
8	Xô nhựa 22 lít	3	60.000	180.000	180.000
9	Rễ tre	8	40.000	320.000	320.000
10	Chổi quét nhà: 2 cái/1 lớp x 16 lớp/1 năm = 32 cái + 3 cái nhà bếp tổng là 35 cái	35 cái	38.000	1.330.000	1.330.000
11	Chổi cước quét nước: 2 cái/1 lớp x 16 lớp/1 năm = 32 cái + 2 cái nhà bếp tổng là 34 cái	34	40.000	1.360.000	1.360.000



	<b>Tổng cộng</b>		<b>16.750.000</b>
--	------------------	--	-------------------

\* Mức thu: 50.000đ/ trẻ/ tháng

#### 1.4. Tiền dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú

Từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học ( Chi thu 1 lần vào đầu năm học mà trẻ đến lớp học lần đầu)

\* Nội dung chi: Công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú)

\* Dự kiến thu: 66 cháu

STT	Độ tuổi	Dự kiến thu	Dự kiến số trẻ	Thành tiền
1	Trẻ Nhà trẻ	200.000	40	8.000.000
2	Trẻ 3 tuổi	170.000	20	3.400.000
3	Trẻ 4 tuổi	160.000	3	480.000
4	Trẻ 5 tuổi	140.000	3	420.000
			<b>66</b>	<b>12.300.000</b>

- Dự kiến chi:

STT	Tên danh mục chi	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bát ăn cơm	66	15.000	990.000
2	Bát I lóc to	48	45.000	2.160.000
3	Thìa con	64	4.000	256.000
4	Muôi múc canh	30	25.000	750.000
5	Bát đựng canh	30	25.000	750.000
6	Muôi nhựa múc cơm	30	12.000	360.000
7	Thau nhôm to	6	350.000	2.100.000
8	Xô đựng nước	6	120.000	720.000
9	Thớt nghiền	2	480.000	960.000
10	Dao	4	125.000	500.000
11	Rổ nhôm	3	95.000	285.000
12	Rá nhôm	5	145.000	725.000
13	Găng tay cao su	10 đôi	29.000	261.000
14	Ca múc nước	4	25.000	100.000
15	Chậu bé	4	45.000	180.000
16	Thay lõi lọc cây nước	4	300.000	1.200.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>12.297.000</b>

\* Mức thu: + Cháu Nhà trẻ: 200.000đ/khoá học

+ Cháu 3 tuổi: 170.000đ/khoá học

+ Cháu 4 tuổi: 160.000đ/khoá học

+ Cháu 5 tuổi: 140.000đ/khoá học



12	Cây lau sàn nhà: 2 cái/1lớp x 16 lớp/1 năm = 32 cái + 2 cái nhà bếp tổng là 36 cái	34	93.000	3.162.000	3.162.000
13	Cọ bồn cầu: 2 cái/1 lớp x 16 lớp/1 năm = 32 cái + 2 cái nhà bếp	34	18.000	612.000	612.000
14	Găng tay cao su cho giáo viên trên lớp: 32 cô x 2 đôi/1cô/1 năm = 64 đôi + 4 đôi cho người gom rác/1 năm = 68 đôi	68 đôi	18.000	1.224.000	1.224.000
15	Thùng đựng rác trong lớp, trong nhà vệ sinh: 2cái/1lớp x 16 lớp/1 năm tổng là 32 cái	32 cái	40.000	1.280.000	1.280.000
16	Bột thông cống, sử lý bề phốt: 16 nhà vệ sinh x 2 gói/1 năm = 32 gói + 4 gói cho nhà bếp	35	35.000	1.225.000	11.340.000
17	Chổi quét sân...	6 cái	30.000	180.000	180.000
18	Găng tay ninon	14	18.000	252.000	252.000
19	Bàn chải nhựa	18	15.000	270.000	270.000
20	Hót rác nhựa cán dài 1 cái/1 lớp x 16 lớp/1 năm = 16 cái + 2cái nhà bếp	18	45.000	810.000	810.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>90.445.000</b>

\* Mức thu: 30.000đ/ trẻ/ tháng

### 3. Dịch vụ điều hòa phục vụ nhu cầu trực tiếp học sinh.

Thu theo mục III ( 1) – Phụ lục 02 – Nghị Quyết số: 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Hải Dương

\* Nội dung chi: Nộp tiền cho Công ty điện lực Thanh Miện hàng tháng.

\* Mức thu: Theo chỉ số điện năng hiển thị trên công tơ điện của các lớp dùng điều hòa nhân với đơn giá qui định của Công ty Điện lực Thanh Miện và chia cho số học sinh sử dụng( tính cho học sinh từng lớp)

### III. Các khoản phụ huynh học sinh tự nguyện.

#### 1. Vận động tài trợ, viện trợ.



Thực hiện theo thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Vận động các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện, các tập thể, cá nhân, các nhà hảo tâm, con em địa phương sống trên mọi miền tổ quốc và cha mẹ học sinh toàn trường. Hỗ trợ nhà trường trong việc xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục cụ thể như sau:

**1.1. Hình thức thứ nhất: Tài trợ, viện trợ bằng hiện vật.**

**a. Tăng cường cơ sở vật chất :** ( Trị giá khoảng 64.480.000 đồng)

- Làm cánh cửa chính 4 bộ, cửa sổ 3 bộ và cửa buồng 5 bộ ở điểm trường Phí Thanh Xá.

- Mua cỏ nhân tạo 100 m<sup>3</sup> trải khu Phát triển vận động điểm trường Khu Lâm Kiều.

**b. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục** ( Trị giá khoảng 19.600.000 đồng)

- Hỗ trợ kimnh phí Hoạt động trải nghiệm “ Âm nhạc theo hướng tiếp cận đa văn hóa”

**1.2. Hình thức thứ hai: Tài trợ, viện trợ bằng tiền mặt**

Ứng hộ, tài trợ khoảng 84.080.000 đồng để hỗ trợ nhà trường trong việc xây dựng , tu sửa cơ sở vật chất và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục gồm các nội dung trên.

**2. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.**

Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo.

Trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện của phụ huynh học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trực tiếp huy động và thực hiện thu và chi sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, công khai minh bạch theo kế hoạch hoạt động của Hội cha mẹ học sinh đã đề ra.

\* Nội dung chi: Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện chi theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định.

\* Mức tham gia: Tự nguyện

Trên đây là kế hoạch thực hiện các khoản thu - chi năm học 2024 - 2025 của trường mầm non Lê Hồng. Xin kính trình với các cấp lãnh đạo nhất trí cho phép và chỉ đạo để nhà trường triển khai thực hiện đạt kết quả cao.

**Nơi nhận:**

- Phòng giáo dục- đào tạo( để b/c)
- UBND xã, HGD xã ( Để b/c)
- Hội đồng trường, chi bộ ( Để t/h)
- BDD cha mẹ học sinh( để t/h)
- Lưu: VT



**Phạm Thị Dương**